

BÁO CÁO TUẦN 12

24/03/2025 – 28/03/2025

*ETF Vaneck chính thức thêm NAB, Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc rõ
chỉ số VN-Diamond, VN-FinSelect Quý 2/2025*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *ETF Van Eck chính thức thêm NAB, Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc rổ chỉ số VN-Diamond, VN-FinSelect Quý 2/2025*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index giữ trên SMA20 và duy trì xu hướng tăng điểm trung dài hạn*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +1.84%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	21/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5667.56	0.1%	0.5%	-7.8%	8.1%
EU (EURO STOXX 50)	5423.83	-0.5%	0.4%	-0.7%	7.4%
Trung Quốc (SHCOMP)	3364.831	-1.3%	-1.6%	0.4%	9.4%
Nhật Bản (NIKKEI)	37677.06	-0.2%	1.7%	-3.8%	-7.7%
Hàn Quốc (KOSPI)	2643.13	0.2%	3.0%	-1.1%	-4.1%
Singapore (STI)	3926.45	-0.1%	2.4%	-0.2%	21.9%
Thái Lan (SET)	1186.61	0.4%	1.1%	-6.0%	-14.5%
Phillipines (PCOMP)	6266.75	-0.9%	-0.4%	2.4%	-10.0%
Malaysia (KLCI)	1505.45	0.1%	-0.4%	-4.8%	-2.3%
Indonesia (JCI)	6258.179	-1.9%	-4.0%	-7.9%	-14.7%
Việt Nam (VNI)	1321.88	-0.2%	-0.3%	2.6%	3.6%
Việt Nam (HNX)	245.82	0.0%	1.3%	3.4%	1.9%
Việt Nam (UPCOM)	99.32	0.2%	-0.1%	0.0%	9.4%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	21/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,022.1	-0.7%	1.3%	3.0%	38.5%
Bạc	USD/ozt	33.0	-1.7%	-2.3%	1.0%	33.5%
Thép HRC	USD/T.	937.0	-0.1%	-0.2%	20.6%	18.0%
Nhôm	USD/MT	2,623.0	-1.5%	-2.9%	-2.7%	15.4%
Niken	USD/MT	15,898.3	-1.4%	-2.2%	4.2%	-8.6%
Quặng sắt	CNY/MT	774.0	0.1%	-4.3%	-5.8%	-9.2%
Dầu Brent	USD/bbl.	72.2	0.2%	2.2%	-5.1%	-15.9%
Dầu WTI	USD/bbl.	68.3	0.0%	1.6%	-5.5%	-15.8%
Xăng	USD/gal.	219.5	0.2%	2.2%	5.2%	-19.5%
Than đá	USD/MT	97.0	-0.8%	-3.7%	-6.3%	-24.4%
Đậu tương	USD/bu.	1,009.8	-0.3%	1.1%	-2.1%	-16.7%
Cao su	JPY/kg	345.0	1.1%	1.4%	-6.8%	-4.9%
Đường	USD/MT	552.4	-2.1%	2.0%	0.9%	-13.7%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ hồi phục yếu so các thị trường chủ chốt

Các chỉ số CK Hoa Kỳ hồi phục nhẹ sau 3 tuần giảm điểm. Thông điệp từ FED phần nào trấn an thị trường trong môi trường bất định từ các chính sách thương mại của chính quyền Trump. NĐT có xu hướng chuyển dịch sang cổ phiếu Châu Âu khi có đến 39% nhà quản lý quỹ tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu khu vực này nhờ biện pháp kích thích tài khóa Đức và gia tăng chi tiêu quốc phòng của EU. Đây là sự xoay chuyển vốn lớn nhất từ cổ phiếu Hoa Kỳ sang Châu Âu kể từ 1999 theo khảo sát của BOA. Bất ổn tiếp tục đẩy giá vàng lên đỉnh cao mới.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân +0.3%, EU600 +0.7%, Nikkei 225 +1.3%; CSI 300 -2.3%.

- Chỉ số hàng hóa +0.9%, trong đó kim loại quý tiếp tục tăng giá (Vàng+2.0%) và các kim loại (Đồng+4.5%, Thiếc +4.7%); năng lượng (dầu thô +2.1%).

- Chỉ số DXY +0.15% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y -0.07%.

Cuộc họp tháng 3 của FED giữ nguyên mức lãi suất 4.25 - 4.5% và dự báo có 2 đợt cắt giảm lãi suất trong năm 2025. FED hạ dự báo tăng trưởng từ 0.4% xuống 1.7% và dự báo lạm phát lõi tăng thêm 0.3% lên mức 2.8%. Biểu đồ dot-plot cho thấy quan điểm thận trọng với 4 thành viên dự đoán không thay đổi lãi suất, tăng 1 người so kỳ họp tháng 12. Tổ chức này cũng giảm nhịp độ thắt chặt định lượng từ mức 25 tỷ xuống 5 tỷ trái phiếu đáo hạn và giữ nguyên 35 tỷ với chứng khoán thế chấp. FED nhấn mạnh đến môi trường bất ổn hiện tại, tính không chắc chắn về triển vọng kinh tế tăng lên và rủi ro trong việc tối đa việc làm và kiểm soát lạm phát ở mức thấp.

PMI Anh, EU, Hoa Kỳ; Doanh thu nhà qua sử dụng, chỉ số niềm tin tiêu dùng, đơn xin trợ cấp thất nghiệp và GDP công bố lần cuối của Hoa Kỳ; CPI Úc, Anh, Nhật là thông tin chú ý trong tuần tới.

TTCK VIỆT NAM

VN-Index điều chỉnh sau chuỗi 8 tuần tăng điểm

VN-Index giảm 0.3% cùng thanh khoản giảm 10% so tuần trước. Các ETF cơ cấu danh mục và HĐTL đáo hạn cùng với khối ngoại đẩy mạnh bán ròng khiến cho VN-Index không duy trì đà tăng sau những phiên kiểm tra đỉnh ngắn hạn. Lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp vẫn khá tích cực giữ cho chỉ số vẫn duy trì mức an toàn với ngưỡng hỗ trợ và chưa ảnh hưởng đến xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn.

- Các cổ phiếu lớn dẫn dắt thị trường điều chỉnh, trong khi một vài cổ phiếu chưa tăng, hoặc tăng chậm trong ngành như GVR, SHB, HVN lại có diễn biến tích cực. Ngoài ra các cổ phiếu lớn phân hóa do hoạt động cơ cấu từ ETF.

- Độ rộng tăng điểm cả thiện với 10/18 ngành tăng điểm. Tuy nhiên những ngành tăng điểm phần lớn là những ngành có quy mô vừa như Hoa chất, Dầu khí, Y tế tăng trên 1.3% trong khi các ngành công nghệ thông tin, bán lẻ, thực phẩm đồ uống có mức giảm trên 2%.

- Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng 153 triệu USD so với 65 triệu USD của tuần trước.

Vai trò kinh tế tư nhân thêm lần nữa được nhấn mạnh trong bài phát biểu người đứng đầu quốc gia. Quan điểm nhất quán về mọi người được quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, đổi mới sáng tạo. Bộ chính trị sẽ có một nghị quyết khuyến khích kinh tế tư nhân, trong đó có một số điểm nổi bật như tham gia các lĩnh vực kinh tế có tính chất chiến lược, quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số và công nghệ mới, cải cách nền hành chính phục vụ, giải phóng tối đa nguồn lực cho kinh tế tư nhân sẽ là bộ phận cho khối này phát triển, đóng góp 70% GDP vào 2030 so với tỷ lệ 51% hiện tại.

Thị trường điều chỉnh sau chuỗi tăng điểm tích cực, lực cầu vùng giá thấp vẫn tích cực. Chúng tôi duy trì quan

CHUYÊN MỤC TUẦN: ETF Vaneck chính thức thêm NAB, Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc rổ chỉ số VN-Diamond, VN-FinSelect Quý 2/2025

Ngày 21/04/2025 các chỉ số VNDiamond và VNFIN Select sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục cho kỳ Q2/2025. Ngày 2/05/2025 sẽ là ngày các quỹ ETF tham chiếu những bộ chỉ số trên hoàn thành cơ cấu danh mục. Trên cơ sở dữ liệu tính đến ngày 20/03/2025, BSC dự báo như sau:

A. Bộ chỉ số VN-Diamond (4 ETF tham chiếu: FUEBFVND, FUEVFNVD, FUEKIVND, FUEMAVND)

- **MWG** có thể vào **rổ duy trì** do đã nằm trong rổ lần đầu trong kỳ review trước và ở kỳ review này, MWG đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của bộ chỉ số
- **CTD** có thể vào **rổ lần đầu** do đã thỏa mãn các điều kiện của bộ chỉ số.
- **VIB** có thể vào **rổ chờ loại ra** do không đáp ứng tiêu chí về FOL (hệ số FOL – tính bình quân của 12 tháng đến ngày chốt số liệu nhỏ hơn ngưỡng quy định 65%) do VIB đã áp dụng room ngoại tối đa là 4.99% kể từ ngày 01/07/2024 sau khi cổ đông Commonwealth Bank of Australia thôi làm cổ đông lớn.
- **VRE** có thể **bị loại** khỏi bộ chỉ số do không thỏa mãn điều kiện FOL.

Lưu ý đối với trường hợp của cổ phiếu CTD: BSC Research sử dụng dữ liệu chốt vào ngày 20/03/2025 – thời điểm chốt dữ liệu để tính toán là 31/03/2025, do đó sẽ có sự sai lệch nhất định trong việc xác định các hệ số để dự báo chỉ số. Trong đó, hệ số P/E bình quân của nhóm và bản thân cổ phiếu CTD đang đánh giá có thể sẽ thay đổi, điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng lọt rổ chỉ số của CTD (theo quy định P/E của cổ phiếu lần đầu vào rổ chỉ số sẽ cần nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần bình quân nhóm đó).

B. Bộ chỉ số VN-FinSelect (1 ETF tham chiếu: FUEKIVFS)

- Dự kiến thêm: NAB, DSE, CTI do đã thỏa mãn các tiêu chí của bộ chỉ số.

C. Lưu ý đối với bộ chỉ số VN30 Index: Như đã đề cập tại báo cáo ngày 05/03/2025 (Link), Quy tắc bộ chỉ số Hose Index phiên bản 4.0 sẽ có hiệu lực áp dụng bắt đầu từ T03/2025. HOSE sẽ công bố các trọng số (free-float, khối lượng lưu hành...) vào ngày 21/04/2025 và thời điểm của hoạt động cơ cấu sẽ diễn ra trước thời điểm nghỉ lễ.

Trên cơ sở đó, BSC Research dự báo danh mục thành phần và số lượng cổ phiếu mua bán đối với 02 bộ chỉ số VN-Diamond và VN-FinSelect kỳ đánh giá Quý 2/2025, cụ thể như sau:

Chi tiết báo cáo về bộ chỉ số HOSE: [Link \(Trang 2\)](#)

CHUYÊN MỤC TUẦN: ETF Vaneck chính thức thêm NAB, Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc rổ chỉ số VN-Diamond, VN-FinSelect Quý 2/2025

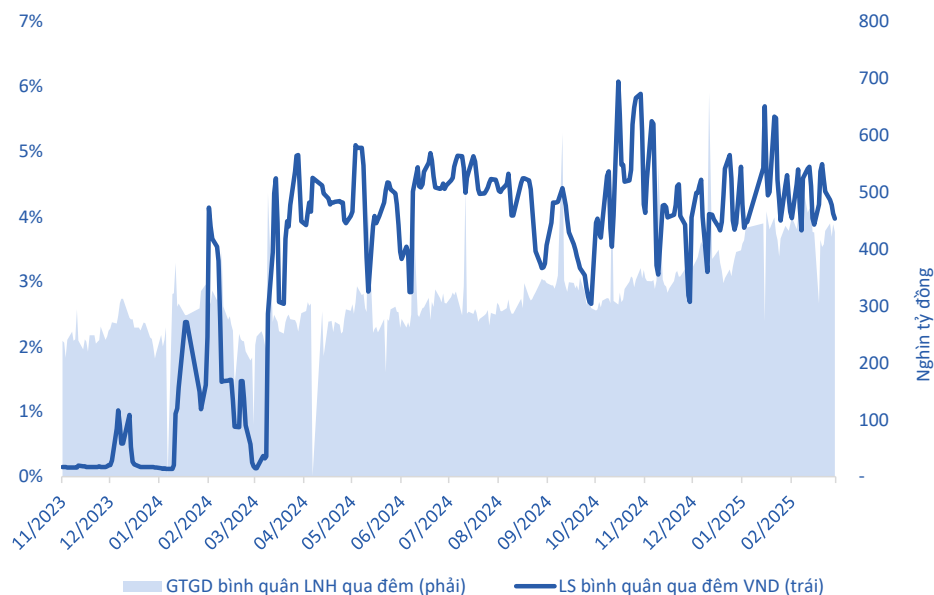
Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF nội Q2/2025										
Mã	Vietnam Diamond Index			VNFINSELECT Index*			Tổng hợp			
	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tổng GTGD	Tổng KLGD	Số phiên GD dự kiến	Ghi chú
CTD	0.80%	98.94	1,138,553	-	-	-	98.94	1,138,553	0.76	Dự kiến vào chỉ số VN Diamond
FPT	15.00%	324.75	2,598,032	-	-	-	324.75	2,598,032	0.51	
MWG	15.00%	212.90	3,548,380	-	-	-	212.90	3,548,380	0.42	
MBB	6.71%	62.53	2,578,714	7.34%	0.38	15,560	62.91	2,594,275	0.19	
TCB	10.37%	91.42	3,330,455	11.37%	(0.14)	(4,950)	91.29	3,325,505	0.18	
VPB	5.29%	43.40	2,214,441	7.71%	(0.02)	(955)	43.38	2,213,487	0.12	
NAB	-	-	-	1.88%	6.39	364,357	6.39	364,357	0.11	Dự kiến vào chỉ số VNFINSELECT*
MSB	2.29%	13.14	1,108,517	2.50%	(0.40)	(34,046)	12.73	1,074,471	0.10	
CTG	2.07%	17.96	431,842	3.02%	0.08	1,831	18.04	433,673	0.06	
BMP	1.11%	0.58	4,835	-	-	-	0.58	4,835	0.03	
TVS	-	-	-	0.17%	0.09	4,359	0.09	4,359	0.01	
TPB	1.66%	1.87	122,871	1.81%	(0.54)	(35,480)	1.33	87,391	0.01	
VDS	-	-	-	0.17%	0.11	5,451	0.11	5,451	0.00	
VCI	-	-	-	1.52%	0.42	10,686	0.42	10,686	0.00	
FTS	-	-	-	0.76%	0.11	2,252	0.11	2,252	0.00	
LPB	-	-	-	9.10%	0.07	1,906	0.07	1,906	0.00	
BVH	-	-	-	0.39%	0.00	23	0.00	23	0.00	
SSB	-	-	-	3.57%	(0.01)	(740)	(0.01)	(740)	(0.00)	
VIX	-	-	-	1.54%	(0.11)	(9,041)	(0.11)	(9,041)	(0.00)	
STB	-	-	-	6.61%	(0.12)	(3,079)	(0.12)	(3,079)	(0.00)	
EIB	-	-	-	2.85%	(0.07)	(3,553)	(0.07)	(3,553)	(0.00)	
SHB	-	-	-	3.66%	(0.13)	(10,912)	(0.13)	(10,912)	(0.00)	
HCM	-	-	-	1.04%	(0.37)	(11,577)	(0.37)	(11,577)	(0.00)	
VND	-	-	-	1.56%	(0.27)	(17,880)	(0.27)	(17,880)	(0.00)	
ORS	-	-	-	0.34%	(0.15)	(12,279)	(0.15)	(12,279)	(0.00)	
SSI	-	-	-	3.29%	(0.55)	(20,609)	(0.55)	(20,609)	(0.00)	
EVF	-	-	-	0.70%	(0.18)	(17,951)	(0.18)	(17,951)	(0.00)	
BID	-	-	-	1.01%	(0.48)	(12,088)	(0.48)	(12,088)	(0.00)	
AGR	-	-	-	0.11%	(0.07)	(3,940)	(0.07)	(3,940)	(0.01)	
VCB	-	-	-	5.54%	(0.75)	(11,279)	(0.75)	(11,279)	(0.01)	
MIG	-	-	-	0.11%	(0.07)	(4,227)	(0.07)	(4,227)	(0.01)	
CTS	-	-	-	0.14%	(0.52)	(12,888)	(0.52)	(12,888)	(0.01)	
BSI	-	-	-	0.16%	(0.83)	(14,988)	(0.83)	(14,988)	(0.03)	
BMI	-	-	-	0.08%	(0.28)	(13,372)	(0.28)	(13,372)	(0.07)	
BIC	-	-	-	0.05%	(0.70)	(19,725)	(0.70)	(19,725)	(0.22)	
HDB	3.75%	(111.03)	(4,806,624)	5.46%	(0.10)	(4,157)	(111.13)	(4,810,781)	(0.43)	
OCB	0.94%	(31.52)	(2,826,936)	1.36%	(0.05)	(4,890)	(31.57)	(2,831,825)	(0.43)	
VRE	0.00%	(98.80)	(5,369,681)	-	-	-	(98.80)	(5,369,681)	(0.75)	Dự kiến bị loại khỏi VN Diamond
REE	3.95%	(48.49)	(678,152)	-	-	-	(48.49)	(678,152)	(0.78)	
KDH	3.02%	(51.68)	(1,595,184)	-	-	-	(51.68)	(1,595,184)	(0.82)	
NLG	3.33%	(60.97)	(1,772,493)	-	-	-	(60.97)	(1,772,493)	(0.85)	
ACB	6.53%	(196.88)	(7,500,003)	9.52%	0.20	7,524	(196.68)	(7,492,479)	(0.99)	
VIB	0.41%	(232.85)	(11,414,408)	3.56%	0.04	2,186	(232.81)	(11,412,222)	(0.37)	Dự kiến vào rổ chờ loại ra của VN Diamond
GMD	7.01%	(110.06)	(1,852,839)	-	-	-	(110.06)	(1,852,839)	(1.70)	
PNJ	8.65%	(114.28)	(1,272,636)	-	-	-	(114.28)	(1,272,636)	(2.40)	

* Giá định: Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT lựa chọn thêm NAB và không loại cổ phiếu nào khỏi danh mục đầu tư

Nguồn: BSC Research tổng hợp

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 3	72,849.6	202,180.0	129,330.4	103,730.4
Tuần 4	0.0	0.0	0.0	103,730.4
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.12%	4.26%	4.44%	4.69%
So với tuần trước	-0.42%	-0.31%	-0.10%	+0.23%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	435,306.8	12,257.8	4,358.8	1,575.5
So với tuần trước	+10.73%	+25.41%	-17.04%	-53.80%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 20/03/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 11, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 70,842.7 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -5,409.5 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định quanh ngưỡng 4.5%.

PTKT: VN-Index giữ trên SMA20 và duy trì xu hướng tăng điểm trung dài hạn

Đồ thị ngày: VN-Index nỗ lực kiểm tra nhưng chưa vượt được đỉnh ngắn hạn tại 1,343 điểm trong tuần. Chỉ số sau đó có 3 phiên điều chỉnh giảm điểm, trong đó có 2 phiên cuối tuần giảm dưới SMA20 tại 1,317 điểm trước khi bật lại vào cuối phiên. Thanh khoản vẫn duy trì ở mức khá, trong khi lực cầu bắt đáy vẫn duy trì tích cực ở những thời điểm rung lắc trong phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đã thoát khỏi vùng quá mua, dải bollinger band đi ngang giúp chỉ số sớm đi vào vùng tích lũy, cân bằng trong ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 68 xuống 59 điểm.
- MACD giảm dưới đường tín hiệu và giữ trên mức 0. Thanh khoản giảm 10% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, SMA 50, 100, 200 và lùi dần về bollinger band giữa.

Kết luận: Với sự thoái lui tại vùng đỉnh, VN-Index đang hình thành mô hình 2 đỉnh mini, có đường neckline tại 1,326 điểm và giá mục tiêu tại 1,310 điểm nếu chỉ số không vượt lại được đường viền cổ. Dù vậy, đợt điều chỉnh này như chúng tôi đề cập tại những báo cáo trước là đợt điều chỉnh lành mạnh và hợp lý nhằm giải tỏa bớt lực cùng tiềm tăng được tích lũy ở vùng giá thấp sau nhiều tuần tăng điểm. Quá trình này tái cân bằng cung cầu, thu hút thêm dòng tiền mới qua đó hỗ trợ cho đà tăng điểm bền vững hơn trong quá trình VN-Index hướng tới đỉnh cao mới trong năm 2025.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
GVR	3.75	1.20
SHB	9.81	1.02
VIC	1.53	0.73
HVN	3.41	0.50
BSR	2.90	0.41
VHM	0.73	0.34
POW	3.75	0.25
LGC	6.92	0.21
PDN	17.67	0.18
PNJ	2.52	0.18
Tổng		5.03

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
BID	-2.35	-1.60
FPT	-2.59	-1.20
MSN	-4.50	-1.10
TPB	-8.39	-0.85
CTG	-1.54	-0.84
HPG	-1.45	-0.61
MWG	-1.95	-0.42
VNM	-1.29	-0.40
SAB	-2.52	-0.40
VJC	-2.03	-0.26
Tổng		-7.68

Khối ngoại mua ròng

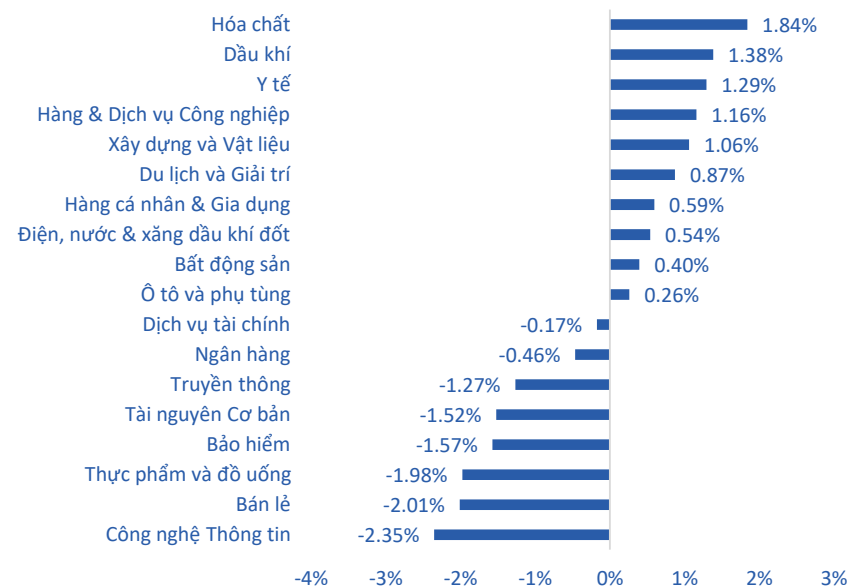
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
VCI	377.51
VCB	150.64
NAB	133.87
SHB	117.91
VIC	104.55
SIP	103.73
GVR	94.87
PDR	74.74
VRE	47.12
VPI	43.30
Tổng	1,248.26

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
FPT	-1936.80
TPB	-262.41
SSI	-245.49
MWG	-203.80
VPB	-199.10
SAB	-198.63
DGC	-190.01
VND	-182.27
DIG	-177.15
DBC	-172.13
Tổng	-3767.80

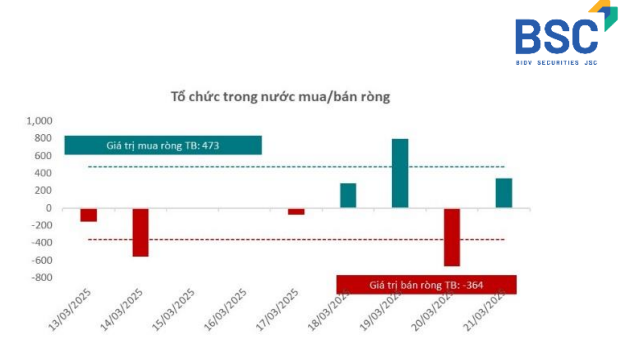
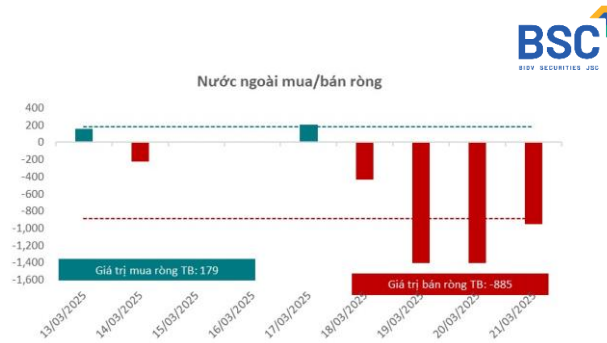
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Hóa chất	-0.18%	1.84%	2.14%
Dầu khí	-0.25%	1.38%	-3.66%
Y tế	-0.10%	1.29%	-0.61%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.18%	1.16%	1.73%
Xây dựng và Vật liệu	-0.16%	1.06%	-2.11%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
VPB	10,891,005	212.04	KDH	3,309,562	(107.12)	VCI	9,604,178	377.51	FPT	15,209,612	(1,936.80)	FPT	15,258,614	1,943.38	VCI	9,230,532	(363.25)
EIB	9,089,784	191.21	KOS	1,280,000	(49.46)	VCB	2,229,366	150.64	TPB	17,546,336	(262.41)	TPB	18,647,262	278.16	EIB	9,724,480	(204.06)
MBB	4,886,220	117.26	VCI	627,846	(24.57)	NAB	7,406,095	133.87	SSI	9,177,187	(245.49)	DGC	2,352,331	249.76	VHM	3,326,697	(156.32)
SSI	4,293,129	114.26	VRE	992,390	(18.34)	SHB	10,680,956	117.91	MWG	3,403,831	(203.80)	SAB	3,885,906	198.35	VCB	2,305,114	(155.58)
FPT	867,836	109.60	VIC	322,672	(16.62)	VIC	2,081,163	104.55	VPB	10,202,136	(199.10)	DBC	6,516,811	189.44	GVR	4,009,710	(136.47)
E1VFN30	4,139,600	99.67	GEX	595,150	(13.76)	SIP	1,154,702	103.73	SAB	3,891,008	(198.63)	SHB	14,126,177	177.38	OCB	10,237,134	(118.46)
ACB	3,635,496	95.34	NAB	687,354	(13.14)	GVR	2,776,569	94.87	DGC	1,787,143	(190.01)	DIG	8,704,738	176.00	VIC	2,168,991	(110.58)
TCB	3,449,638	94.00	IJC	860,000	(12.70)	PDR	3,636,029	74.74	VND	11,885,384	(182.27)	VND	11,173,642	171.04	MBB	4,301,026	(103.89)
NVL	7,758,900	85.31	DXS	1,643,200	(12.34)	VRE	2,518,513	47.12	DIG	8,756,633	(177.15)	MWG	2,302,142	139.09	TCB	3,584,613	(98.10)
STB	1,872,327	72.08	VTP	73,729	(11.00)	VPI	762,597	43.30	DBC	5,927,022	(172.13)	SSI	5,141,421	133.52	PDR	4,069,982	(83.68)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	60.3	0.5%	1.4	87,689	263	2,544	23.6		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.2	-1.5%	1.75	22,759	133	555	53.4		19.4%	
KDH	Bất động sản	32.4	0.0%	1.06	32,761	70	862	37.6		35.8%	
PDR	Bất động sản	20.3	0.5%	1.91	17,637	94	643	31.4	23,600	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	48.3	1.9%	1.14	194,486	659	7286	6.5	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	128.0	2.4%	1.03	183,884	820	5371	23.3	163,000	43.5%	Link
BSR	Dầu khí	19.5	-0.5%	0.00	60,770	34	202	97.2		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.0	0.9%	1.16	15,629	57	2473	13.2	40,300	17.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.9	-0.6%	1.82	23,075	247	1571	20.4		43.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.6	0.2%	1.61	52,088	573	1536	17.3		38.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.1	-0.3%	1.76	28,149	504	1537	25.5		28.7%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.7%	1.74	18,132	40	2682	12.8	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	104.9	-1.4%	1.47	40,408	169	7864	13.5	111,400	16.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.1	-0.6%	0.70	117,250	321	3759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.5	-0.9%	0.94	279,450	95	3571	11.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.7	0.1%	0.96	223,392	306	4720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.0	-0.4%	0.86	80,736	212	3667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.3	0.2%	0.94	147,980	443	3729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	-0.4%	1.29	30,810	135	2123	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.7	-0.6%	1.18	73,335	265	5351	7.3		22.0%	
TCB	Ngân hàng	27.4	-0.4%	1.12	193,930	256	3054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.8	-3.0%	0.99	40,158	575	2299	6.6	-	28.1%	Link
VCB	Ngân hàng	66.0	-1.2%	0.48	558,160	117	4049	16.5		22.8%	
VIB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	0.91	60,774	109	2424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.5	-0.5%	0.89	155,505	205	1989	9.9	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	0.0%	1.20	173,658	604	1879	14.5	37,500	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	-0.8%	1.56	11,085	62	935	19.1	22,700	8.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.8	-2.2%	1.94	9,839	141	2712	10.8	31,000	6.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.9	-0.7%	1.37	98,383	259	1345	50.9		25.4%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.3	-0.8%	0.52	129,159	237	4494	13.8		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	39.3	0.6%	2.0	8,548	14.9	2,042	19.1	18.93%	15.93%	Link
FRT	Bán lẻ	176.0	0.0%	1.0	23,979	29.7	2,331	75.5	33.14%	18.09%	
BVH	Bảo hiểm	52.5	-0.9%	1.0	39,343	20.8	2,809	18.9	26.61%	9.50%	
DIG	Bất động sản	20.2	-0.7%	1.5	12,410	154.6	172	118.2	4.06%	1.36%	
DXG	Bất động sản	16.6	-0.6%	1.6	14,500	121.3	350	47.6	20.62%	2.54%	Link
HDC	Bất động sản	26.7	0.0%	1.4	4,762	128.4	377	70.8	3.09%	3.14%	
HDG	Bất động sản	27.1	-1.1%	1.5	9,215	78.7	1,714	16.0	19.54%	9.41%	
IDC	Bất động sản	53.9	0.0%	1.2	17,787	28.0	6,050	8.9	20.93%	37.71%	
NLG	Bất động sản	34.3	-0.3%	1.6	13,247	85.2	1,346	25.6	38.37%	5.43%	
SIP	Bất động sản	90.1	0.1%	0.0	18,948	147.2	5,555	16.2	5.51%	29.47%	
SZC	Bất động sản	44.2	-0.1%	1.7	7,964	37.3	1,809	24.5	2.41%	12.48%	Link
TCH	Bất động sản	17.4	0.3%	1.8	11,560	90.8	1,466	11.8	8.81%	10.79%	Link
VIC	Bất động sản	53.0	2.9%	1.1	196,919	399.8	3,026	17.0	9.23%	9.33%	
VRE	Bất động sản	18.5	0.3%	1.3	41,811	181.1	1,802	10.2	17.92%	10.27%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	0.9%	0.9	8,695	19.8	1,478	27.8	35.98%	11.44%	
PLX	Dầu khí	41.3	0.0%	1.0	52,475	48.6	2,275	18.2	17.44%	11.12%	Link
PVD	Dầu khí	23.3	0.0%	1.4	12,924	60.6	1,252	18.6	8.68%	4.57%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.3	0.0%	2.1	15,388	80.9	1,869	26.9	30.04%	14.62%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.9	0.0%	1.9	17,699	59.6	1,583	19.5	6.84%	12.45%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-1.3%	0.6	160,707	86.0	4,439	15.5	1.73%	16.73%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	-3.1%	0.9	30,093	180.5	535	24.0	3.76%	3.95%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.5	0.0%	1.0	33,677	36.4	4,237	16.9	49.00%	11.01%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.6	0.4%	0.5	52,103	63.4	2,632	36.5	12.88%	8.87%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.3	-2.5%	2.3	20,497	221.5	1,910	12.5	7.95%	12.38%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.4	0.0%	1.0	24,959	35.4	4,629	12.8	41.77%	13.92%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.8	1.8%	1.6	6,055	117.7	4,658	10.7	10.55%	21.91%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.3	-0.4%	1.3	9,043	22.9	3,071	8.3	11.92%	15.05%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	146.4	1.0%	0.0	17,659	48.4	3,144	46.1	6.53%	24.12%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.6	-0.2%	0.8	30,344	22.6	6,305	14.2	48.36%	20.08%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	40.3	0.3%	0.82	4,089	73.1	2710	14.8	49.81%	12.96%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.5	0.0%	1.1	2,636	9.2	2,575	8.4	16.00%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.5	-0.4%	1.5	13,931	53.3	1,518	23.5	8.95%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.6	0.1%	2.2	138,000	142.9	1,053	32.8	0.67%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.0	0.3%	1.0	37,161	159.8	1,786	11.2	3.90%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.8	-2.1%	0.8	106,198	89.2	3,254	10.9	0.87%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.3	-1.4%	0.0	23,211	257.2	2,702	6.5	1.61%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.0	-1.4%	1.0	27,494	301.7	1,287	8.7	19.62%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	0.0%	1.6	6,915	80.5	1,397	11.1	5.74%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.8	-2.1%	1.7	4,553	34.4	182	94.1	0.71%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.9	-0.5%	0.7	7,888	100.4	1,584	20.8	3.61%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.3	-0.6%	1.1	64,898	61.9	3,376	15.0	59.98%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	66.8	0.0%	1.3	14,993	22.9	5,496	12.2	25.26%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	120.8	1.1%	1.1	9,782	24.4	12,103	9.9	82.29%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.0	0.1%	1.5	8,684	88.9	3,734	23.3	48.72%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	106.0	0.0%	1.4	12,125	69.9	4,709	22.5	8.01%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.1	0.5%	1.7	3,074	37.0	3,545	13.8	6.60%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	-0.8%	1.7	5,425	33.7	937	13.4	6.58%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	0.9%	1.6	8,226	35.5	1,287	17.9	15.65%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.0	-0.2%	1.9	12,570	124.7	1,579	13.3	6.18%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	51.7	-0.6%	1.8	23,314	29.6	2,464	21.1	5.79%	13.7%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký